

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VŨNG LIÊM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-07-2019

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tứ Hải.

2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2019 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Tô Kim N** – sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh V.

2. Bị đơn: Anh **Lê Hoàng N** – sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 03 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Tô Kim N trình bày:

Vào năm 2014, chị N và anh N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do quen biết, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hh, huyện T ngày 28/05/2014.

Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại ấp K, xã H, huyện T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đến tháng 03 năm 2019 anh N đánh chị N sau đó bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Hoàng N.

- **Về con chung:** vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Kim Y - sinh ngày 17/12/2014 và cháu Lê Hoàng B – sinh ngày 04/6/2017, hiện đang sống chung với anh N. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Y và cháu B, chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ phải thu, phải trả:** Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn anh Lê Hoàng N trình bày:

Vào năm 2014 anh N và chị N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu quen biết nhau trước, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện T ngày 28/05/2014.

Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại ấp K, xã H, huyện T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N có nóng tính xảy ra mâu thuẫn cự cãi và đánh chị N sau đó anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay.

Nay anh N còn tình cảm với chị N xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Tô Kim N.

- **Về con chung:** vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Kim Y - sinh ngày 17/12/2014 và cháu Lê Hoàng B – sinh ngày 04/6/2017, hiện đang sống chung với anh N. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh N yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Y và cháu B, anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ phải thu, phải trả:** Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.*

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Tô Kim N xin ly hôn với anh Lê Hoàng N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng, không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Tô Kim N nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

-Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu Lê Nguyễn Kim Y và Lê Hoàng B (bản sao); Văn bản đề nghị xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng (bản chính); Đơn xin xác nhận thu nhập thực tế (bản chính).

-Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Đơn cung cấp thông tin ngày 15/05/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] **Về hôn nhân:** Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Tô Kim N và anh Lê Hoàng N là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị N trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, chị N có khuyên anh N sửa đổi tính tình nhưng anh N không thay đổi. Anh N trình bày có nóng tính xảy ra mâu thuẫn cự cãi và đánh chị N dẫn đến ly thân. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh N có ý kiến cố gắng sửa đổi để hàn gắn cùng chị N xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Anh N và chị N sống hạnh phúc từ năm 2014 đến năm 2019 thì mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh N là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn do lỗi của anh N nóng tính dẫn đến xảy ra mâu thuẫn cự cãi với chị N rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh N nhiều lần có đến xin lỗi chị N xin đoàn tụ. Tại phiên tòa anh N tha thiết yêu cầu chị N đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, anh sẽ tiếp tục khắc phục những thiếu sót đem lại hạnh phúc cho gia đình, hiện cháu Y và cháu B đang sống chung với anh N, anh N vẫn tạo điều kiện cho chị N thăm nom và chăm sóc con chung.

Xét thấy chị N không đưa ra được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn trầm trọng, anh N và chị N ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay thời gian ly thân ngắn, mâu thuẫn chưa kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh N, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N là có cơ sở.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, xử cho chị N và anh N đoàn tụ nên về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật .

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Tô Kim N xin ly hôn với anh Lê Hoàng N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Tô Kim N phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) về việc giải quyết hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009702 ngày 28/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Tô Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường

